TÒA ÁN NHÂN DÂN TP HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 963/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2018.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát.

2/ Ông Hà Đức Kiền.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Trần Thị Hiển – Thư ký Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2337/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 4630/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Quang Đ, sinh năm 1981;
Địa chỉ: 53 Đường số A Khu B, phường C, quận D, TP Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Hồng H, sinh năm 1983.
Quốc tịch: HK.
Địa chỉ: 381 Town Unter Boulevard, Esston Pa 18040, HK.

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 08/11/2016, bản tự khai ngày 14/7/2017 của nguyên đơn Ông Trần Quang Đ trình bày:

Ông và Bà Huỳnh Thị Hồng H tự nguyện kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 07, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường X, quận Z, TP Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2007. Sau một thời gian chung sống, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ cùng nhau

trong cuộc sống. Đến năm 2008, bà H sang HK định cư làm cho vợ chồng ngày càng xa cách dẫn đến cả hai không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cùng nhau nên mâu thuẫn ngày càng không thể hàn gắn. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn gửi Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh đề nghị ly hôn với Bà Huỳnh Thị Hồng H để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Ông Trần Quang Đ khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Quang Đ khai không có.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh đã có công văn số 309/UTTPDS-TA30 về việc tương trợ tư pháp gửi Bộ Tư pháp đề nghị chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp tới cơ quan có thẩm quyền của HK thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 20 tháng 4 năm 2018, lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 21 tháng 5 năm 2018 và xét xử công khai lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 21 tháng 6 năm 2018, xét xử công khai lần thứ hai vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 20 tháng 7 năm 2018 đối với Bà Huỳnh Thị Hồng H.

Ngày 15/9/2017, Bộ Tư pháp đã có công văn số 1198/CH-BTP về việc thực hiện ủy thác tư pháp theo đó, Bộ Tư pháp đề nghị Công ty ABC Legal, HK thực hiện ủy thác tư pháp đối với Bà Huỳnh Thị Hồng H.

Ngày 12/01/2018, Bộ Tư pháp đã có công văn số 129/BTP-PLQT về kết quả ủy thác tư pháp đối với Bà Huỳnh Thị Hồng H, theo đó Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc HK đã thực hiện thành công ủy thác tư pháp nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 13/7/2018, nguyên đơn Ông Trần Quang Đ có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, hòa giải và xét xử vì lý do bận công tác xa.

Bị đơn Bà Huỳnh Thị Hồng H đã được Tòa án nhân TP Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp hợp lệ để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng Bà Huỳnh Thị Hồng H không có văn bản trả lời và vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về "Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử sơ thẩm" tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Trần Quang Đ được ly hôn với Bà Huỳnh Thị Hồng H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn Bà Huỳnh Thị Hồng H có quốc tịch HK, đang cư trú hợp pháp tại Hợp chúng quốc HK thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về vắng mặt đương sự: Xét Ông Trần Quang Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bà Huỳnh Thị Hồng H đã được Tòa án nhân TP Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thời gian xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Ông Trần Quang Đ và Bà Huỳnh Thị Hồng H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của Ông Trần Quang Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường X, quận Z, TP Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2007 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa Ông Trần Quang Đ và Bà Huỳnh Thị Hồng H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ông Đ khai rằng vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống. Đến năm 2008, bà H sang HK định cư và từ đó cho đến nay vợ chồng cũng không còn liên lạc với nhau. Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp thông báo ngày giờ hòa giải, xét xử cho bà H nhưng bà H vẫn không có ý kiến và cũng không có mặt, chứng tỏ bà H đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng Ông Trần Quang Đ và Bà Huỳnh Thị Hồng H mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng càng không có điều kiện vun đắp nên ông Hùng yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với Bà Huỳnh Thị Hồng H là có cơ sở để chấp nhận.

Con chung: Ông Trần Quang Đ khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Quang Đ khai không có.

[3] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm Ông Trần Quang Đ phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016;

Chi phí tố tụng khác: Ông Trần Quang Đ phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định. Ông Đ đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, điểm a Khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Trần Quang Đ.

Quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quang Đ được ly hôn với Bà Huỳnh Thị Hồng H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường X, quận Z, TP Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2007 cho Ông Trần Quang Đ và Bà Huỳnh Thị Hồng H không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Ông Trần Quang Đ phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0031917 ngày 18/01/2017 của Cục Thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh.

Về chi phí tố tụng khác: Ông Trần Quang Đ phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định. Ông Đ đã nộp đủ.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Ông Trần Quang Đ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với Bà Huỳnh Thị Hồng H thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản

án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân quận Z, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt